

Số: 22 /2013/NQ-HĐND

Quảng Trị, ngày 11 tháng 12 năm 2013

**NGHỊ QUYẾT**

**Về kế hoạch phân bổ vốn đầu tư xây dựng cơ bản  
sử dụng nguồn vốn ngân sách do tỉnh quản lý năm 2014**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ  
KHÓA VI, KỲ HỌP THỨ 10**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 01/2002/QH11 ngày 16/12/2002;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Thực hiện Công văn số 8568/BKHĐT-TH ngày 29/10/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc thông báo dự kiến kế hoạch đầu tư nguồn ngân sách Nhà nước năm 2014 và Văn bản số 9149/BKHĐT-KTĐPLT ngày 13/11/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc dự kiến xây dựng kế hoạch 2014;

Xét Tờ trình số 4010/TTr-UBND ngày 25/11/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị thông qua Báo cáo thực hiện kế hoạch phân bổ vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2013 và Kế hoạch sử dụng nguồn vốn ngân sách do tỉnh quản lý năm 2014; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế Ngân sách và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua Kế hoạch sử dụng nguồn vốn ngân sách do tỉnh quản lý năm 2014, với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tổng vốn ngân sách do địa phương quản lý trong kế hoạch 2014 là 367.900 triệu đồng, bao gồm:

- a) Vốn đầu tư trong cân đối: 337.900 triệu đồng, trong đó:
- Vốn cân đối theo tiêu chí 182.900 triệu đồng
  - Hỗ trợ doanh nghiệp công ích: 1.000 triệu đồng
  - Vốn đầu tư từ tiền sử dụng đất 154.000 triệu đồng.

b) Vốn xố số kiến thiết: 30.000 triệu đồng.

2. Về phạm vi sử dụng nguồn vốn:

a) Đối với nguồn vốn do cấp tỉnh quản lý:

Đầu tư cho các ngành lĩnh vực theo quy định tại Nghị quyết số 19/2010/NQ-HĐND ngày 10/12/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa V về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2011-2015. Dành một phần nguồn vốn để bố trí thực hiện các nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về hỗ trợ xây dựng y tế cơ sở; các thiết chế văn hóa; kiên cố hóa trường lớp học; hỗ trợ xây dựng trường mầm non đạt chuẩn; giảm nghèo bền vững đối với các xã, thôn, bản, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Quảng Trị có tỷ lệ hộ nghèo cao.

b) Đối với vốn phân cấp cho các huyện, thành phố, thị xã quản lý (kèm theo phụ lục số 3).

- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã phân bổ, bố trí nguồn vốn được tỉnh phân cấp bảo đảm tỷ lệ 20% đầu tư cho giáo dục đào tạo; lồng ghép với nhiều nguồn vốn đầu tư khác để bảo đảm tỷ lệ bố trí 30% vốn đầu tư do địa phương quản lý hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng phù hợp với tiêu chí nông thôn mới. Đối ứng các dự án ODA về đầu tư xây dựng do các huyện làm chủ đầu tư theo Quyết định số 60/2010/QĐ-TTg ngày 30/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ.

- Bố trí trả nợ các công trình, dự án có sử dụng nguồn vốn vay hoặc có dự án bị Trung ương thu hồi vốn đầu tư trên địa bàn do cấp huyện làm chủ đầu tư;

- Thực hiện phân bổ kế hoạch vốn và quản lý đầu tư theo quy định của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 1792/CT-TTg ngày 15/10/2011.

c) Danh mục các chương trình, dự án đầu tư; vốn đầu tư phân bổ cho từng công trình, dự án và cân đối ngân sách cho các huyện, thành phố, thị xã (kèm theo phụ lục số 2 và phụ lục số 3):

3. Các giải pháp thực hiện:

a) Đối với nguồn vốn Trung ương hỗ trợ sau khi có quyết định giao kế hoạch của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quyết định triển khai thực hiện và báo cáo với Hội đồng nhân dân tại kỳ họp thứ 11. Đồng thời dự kiến kế hoạch xây dựng cơ bản thuộc nguồn vốn Trung ương hỗ trợ năm 2015 báo cáo với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh cho ý kiến trước khi trình Bộ Kế hoạch đầu tư thẩm định trình Chính phủ phê duyệt và báo cáo Hội đồng nhân dân tại kỳ họp gần nhất.

b) Khi thanh toán vốn xây dựng cơ bản phải kiên quyết thu hồi vốn ứng trước, nợ tạm ứng vốn xây dựng cơ bản của các chủ đầu tư, đẩy nhanh tiến độ quyết toán công trình hoàn thành, chấn chỉnh và hạn chế chuyển nhiệm vụ chi qua năm sau đối với lĩnh vực xây dựng cơ bản. Đối với các công trình, dự án đã nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng nhưng các chủ đầu tư không quyết toán theo đúng quy định hoặc không thanh toán hoàn vốn tạm ứng ngân sách tính đến ngày 31/10/2013 thì không bố trí vốn cho các công trình, dự án khởi công mới và không tiếp tục bố trí vốn đối với các công trình chậm thanh toán hoàn trả vốn tạm ứng ngân sách Nhà nước trong kế hoạch năm 2014.

c) Tiếp tục tổ chức thực hiện đồng bộ, bảo đảm đúng tiến độ giải phóng mặt bằng; kiểm tra, rà soát lại thiết kế, dự toán các dự án, công trình loại bỏ các hạng mục không cần thiết, sử dụng vật liệu, thiết bị đắt tiền lãng phí làm tăng tổng mức đầu tư bất hợp lý; nghiêm cấm việc thực hiện khối lượng thi công vượt quá mức kế hoạch vốn được giao, gây nợ đọng xây dựng cơ bản; mở rộng tập huấn về kỹ năng vận động và tổ chức thực hiện nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức và nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ theo Nghị định 38/2013/NĐ-CP ngày 23/4/2013 của Chính phủ.

d) Tiếp tục thực hiện điều chuyển vốn đối với các dự án đến hết ngày 30/9/2014 giải ngân dưới 60% vốn kế hoạch; các dự án đến hết ngày 30/11/2014 giải ngân dưới 85% vốn kế hoạch.

e) Từ năm 2014, nguồn thu đấu giá quyền sử dụng đất dành 10% cho nhiệm vụ đo đạc, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phần còn lại trong kế hoạch được giao phân bổ 60% cho Trung tâm phát triển Quỹ đất để đầu tư các dự án hạ tầng phát triển quỹ đất theo quy hoạch, 40% bố trí cho các dự án của tỉnh. Đối với nguồn vượt thu phân bổ 70% cho Trung tâm Phát triển quỹ đất để đầu tư các dự án hạ tầng phát triển quỹ đất; 30% bố trí cho các dự án khác của tỉnh. Thực hiện thí điểm đấu giá đất tại một số khu vực đã giải phóng mặt bằng để tạo nguồn thu nhanh, nhằm kịp thời bố trí vốn đầu tư trở lại và đẩy nhanh tiến độ hoàn thành dự án. Tổ chức đấu giá các khu đất có lợi thế về vị trí cho các tổ chức, doanh nghiệp thuê để tăng thu cho ngân sách. Nghiên cứu ban hành cơ chế đa dạng hoá nguồn lực đầu tư phát triển quỹ đất trên cơ sở bảo đảm quy hoạch, bảo đảm hài hoà lợi ích giữa Nhà nước, nhà quản lý và doanh nghiệp.

Các địa phương được áp dụng cơ chế này cho Trung tâm phát triển Quỹ đất cấp huyện.

**Điều 2.** Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện kế hoạch đầu tư từ nguồn vốn ngân sách do địa phương quản lý năm 2014. Chủ động vận động thu hút nguồn lực để tăng nguồn vốn xây dựng cơ bản, tiếp tục bổ sung cân đối cho các nhu cầu đầu tư phát triển;

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các ban Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tăng cường công tác giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa VI, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2013 và có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày thông qua./.

**Nơi nhận:**

- VPQH, VPCP, VPCTN;
- Bộ KH&ĐT, Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng;
- Cục kiểm tra văn bản Bộ Tư pháp;
- TVTU, TT HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Bộ Tư lệnh Quân khu 4;
- VPTU, VP Đoàn ĐBQH&HĐND, VP UBND tỉnh;
- Các Sở, ban ngành cấp tỉnh;
- TT HĐND, TP Đông Hà, TX Q.Trị, huyện Đào Cồn Cỏ;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Báo Q.Trị và Công báo tỉnh;
- Lưu: VT HĐND tỉnh.

**CHỦ TỊCH**



**Lê Hữu Phúc**



Biểu số 1

**TỔNG HỢP CÁC NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN  
THUỘC NSNN KẾ HOẠCH NĂM 2014 DO TỈNH QUẢN LÝ**

(Kèm theo Nghị quyết số 22/2013/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2013 của HĐND tỉnh Quảng Trị)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Các nguồn vốn đầu tư	Kế hoạch năm 2013 Tỉnh giao	Kế hoạch năm 2014	So sánh KH 2014/ KH 2013 (%)	Ghi chú
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>312.900</b>	<b>367.900</b>	<b>117,58</b>	
<b>I</b>	<b>ĐẦU TƯ TRONG CÂN ĐỐI</b>	<b>297.900</b>	<b>337.900</b>	<b>113,43</b>	
<b>I</b>	<b>Đầu tư trong cân đối theo tiêu chí</b>	<b>182.900</b>	<b>182.900</b>	<b>100,00</b>	
-	Chi trả vốn vay kiên cố hóa KM và GTNT	29.160	31.000	106,31	
-	Chi hoàn trả các khoản tạm ứng ngân sách	3.000	3.000		Hoàn trả tạm ứng năm 2012 của các công trình: Nạo vét khẩn cấp luồng dẫn tàu thuyền vào khu neo đậu tránh trú bão Cửa Tùng, Nâng cấp cải tạo cụm công trình ngăn mặn Việt Yên - Vĩnh Phước, Hỗ trợ GPMB và TĐC công trình thủy lợi Sa Lung
-	Chi hoàn trả vay theo Nghị quyết 02		3.173		Quỹ đất cấp huyện trả 100% số vốn vay phải trả trong năm 2014 (8,806 tỷ đồng); Trung tâm quỹ đất tỉnh trả 521 triệu đồng vốn vay của dự án Đường vành đai cứu hộ, cứu nạn phía tây thành phố Đông Hà (gd1); NSTT trả 3,173 tỷ cho 03 dự án Cầu Cam Hiếu, Cầu An Mô và Tuyến đường vào xã Vĩnh Lâm, huyện Vĩnh Linh.
-	Chi hoàn trả vốn bị TW thu hồi		765		Tổng vốn bị thu hồi về NSTW là 24,705 tỷ; tính đã trả 4,54 tỷ (từ nguồn quỹ đất năm 2013); còn lại 20,165 tỷ đồng dự kiến trích 10,385 từ nguồn vốn TW hỗ trợ các xã bãi ngang năm 2014 để trả, số còn lại là 9,015 tỷ đồng được trả bằng nguồn đấu giá quyền sử dụng đất của cấp huyện (chi tiết theo biểu số 3), Ngân sách tỉnh trả 765 triệu đồng cho 01 dự án Trạm bơm Bình An
-	Đầu tư trong năm 2014	150.740	144.962	96,17	100%
	Trong đó:				
	+ Tỉnh quản lý	90.444	86.977	96,17	60%
	+ Phân cấp huyện, thành phố, thị xã quản lý	60.296	57.985	96,17	40%
<b>2</b>	<b>Hỗ trợ doanh nghiệp công ích</b>	<b>1.000</b>	<b>1.000</b>	<b>100,00</b>	
<b>3</b>	<b>Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất</b>	<b>114.000</b>	<b>154.000</b>	<b>135,09</b>	
	Trong đó:				
	+ Tỉnh quản lý	63.700	90.700	142,39	Chi tiết tại biểu số 2
	+ Phân cấp huyện quản lý	50.300	63.300	125,84	Chi tiết tại biểu số 3
<b>II</b>	<b>XÓ SỔ KIẾN THIẾT</b>	<b>15.000</b>	<b>30.000</b>	<b>200,00</b>	Phân bổ cho các lĩnh vực: GD-ĐT, Y tế, Phúc lợi xã hội; lồng ghép thực hiện mục tiêu XD NTM và thực hiện các ĐA của HĐND tỉnh

KAP

**Biểu số 2**  
**KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THUỘC NSNN NĂM 2014**  
 Nguồn vốn đầu tư trong cân đối do tỉnh quản lý  
 (Kèm theo Nghị quyết số 22/2013/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2013 của HĐND tỉnh Quảng Trị)

DVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Mã số dự án	Mã ngành kinh tế (loại, kế toán)	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư			Đã bỏ trị đến hết năm 2013	Kế hoạch vốn đầu tư năm 2014	Ghi chú
								Tổng số	TMĐT	Trong đó: NS tỉnh			
1	2	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	
<b>TỔNG SỐ</b>													
A	NGÂN SÁCH TẬP TRUNG							2.841.803	2.031.292	1.171.560	207.677		
1	Bổ trợ vốn chuẩn bị đầu tư							662.932	385.604	291.743	86.977		
2	Bổ trợ vốn quyết toán										3.008		
3	Năng lực kiến tạo công trình							48.861	23.101	28.153	4.600		
	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2014										4.600		
-	ĐA làng Thanh niên lập nghiệp Hướng Hiệp	Tỉnh đoàn	7053554	021	150 hp	10-12	380a/TWD 30/10/2008	34.027	8.905	20.650	2.300		
-	Trụ sở làm việc Chi cục Thủy lợi Quảng Trị	Cục cục thủy lợi tỉnh	7218170	161	1.107 m2	10-11	125/QĐ-UBND 15/01/08; 913/QĐ-UBND 31/03/10; 832/QĐ-UBND	8.451	8.451	7.503	503		
	Dự án khởi công mới												
-	Tuyến kênh tiêu úng Nhan Bàn, xã Triệu Thượng, huyện Triệu Phong	UBND huyện Triệu Phong			Mảnh rêu đá 6312,58m	14-15	2054/QĐ-UBND 31/10/2013	6.383	5.745		1.800	+ Phần NS tỉnh đối ứng NSTW (NQ39)+NS huyện	
4	Hạ tầng chợ, cụm công nghiệp Dự án chuyển tiếp	UBND huyện Triệu Phong						33.962	17.000	1.050	3.000		
-	CSHT cụm Công nghiệp Đông Ai, Tổ (Hàng mẹ: Đường giao thông huyện RD-03 và RD36) Dự án khởi công mới	UBND huyện Triệu Phong			1.164m	13-15	1193/QĐ-UBND 05/7/2013	18.969	10.000	1.000	1.500		
-	CSHT cụm công nghiệp Cam Hiếu	UBND huyện Cam Lộ			70ha	14-16	1861/QĐ-UBND 16/10/2013	14.993	7.000	50	1.500	+ Đối ứng NSTW + Theo chính sách của tỉnh + NS huyện đối ứng 4 tỷ đồng để đảm bảo khởi công mới theo quy định tại CT 1792/CT-TT	
5	Hạ tầng chợ, Dự án chuyển tiếp	UBND huyện Cam Lộ						36.458	6.000	690	1.950		
-	Chợ khu vực Gùn Dự án khởi công mới	UBND huyện Cam Lộ	220110210	189	106 hp	13-15	1541/QĐ-UBND 30/8/2012	6.209	3.000	640	450		
-	Chợ Mỹ Chánh, huyện Hải Lăng	UBND huyện Hải Lăng										+ Phần NS tỉnh đối ứng NSTW (NQ39) + NS huyện đối ứng 3 tỷ đồng để đảm bảo khởi công mới theo quy định tại CT 1792/CT-TT	
6	Giao thông, Dự án hoàn thành trước ngày 31/12/2013							221.642	69.393	114.303	19.450		
-	Đường vào xã Vĩnh Lãm, huyện Vĩnh Linh Dự án dự kiến hoàn thành năm 2014	Sở GTVT	7173532	163	2.108 m	11-13	1373/QĐ-UBND 30/7/10	19.332	14.000	15.540	3.000		

109

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Mã số dự án	Mã ngành kinh tế (Khai, Mỏ)	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Số quyết định/ ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư		Đã bỏ trị đến hết năm 2013	Kế hoạch vốn đầu tư năm 2014	Chi tiêu
									Tổng số	Trong đó: NS tỉnh			
-	Đường đến trung tâm xã A Ngõ	Sở Giao thông vận tải	Đakrông	7049702	163	12,1 km	10-13	2533/QĐ-UB 09/12/08 và 2501/QĐ-UBND 07/12/2012	88.004	2.737	69.032	2.000	Trả nợ KLHT
-	Hệ thống điện chiếu sáng công cộng đường Quang Trung Dự án chuyển tiếp	UBND thị xã Quảng Trị	Quảng Trị				11-12	876/QĐ-UBND 21/12/2011	2.083	450	1.500	450	Trả nợ KLHT
-	Đường nối từ tỉnh lộ 280 vào thôn Dương, xã Triệu Thành	UBND xã Triệu Thành	Triệu Phong		163	673m	13-14	375/QĐ-UBND 12/4/2013	2.005	1.600	561	1.000	Trả nợ KLHT
-	Đường từ thị xã Quảng Trị đến chợ Cam xã Triệu Sơn huyện Triệu Phong	Sở Giao thông vận tải	Triệu Phong	7311462	163	6km	12-15	1999/QĐ-UBND 28/9/11	51.214	15.670	25.670	4.000	Trả nợ KLHT
-	Dãy chuyển kiểm định xe cơ giới số 2	Trung tâm kiểm định xe cơ giới thủy bộ	Đông Hà			1.012 m2	13-15	2040/QĐ-UBND ngày 30/9/2011	25.427	13.664	1.000	2.000	+ NS tỉnh hỗ trợ 13,446 tỷ đồng theo quyết định phê duyệt → Vốn tự có của đơn vị
-	Đường vào sân vận động, huyện Cam Lộ	UBND huyện Cam Lộ	Cam Lộ			1.259m	14-15	316/QĐ-UBND ngày 28/2/2012	5.275	2.000	1.000	2.000	NS huyện năm 2013 bỏ trị 1 tỷ đồng
-	Dự án Một công một												
-	Đường liên xã Triệu Tài - Triệu Trung, huyện Triệu Phong	UBND huyện Triệu Phong	T. Phong			1.670m	14-15	1990/QĐ-UBND 29/10/2013	4.842	4.842		1.500	+ Phần NS tỉnh đối ứng NSTW (NQ39)+NS huyện
-	Cầu Khe Lớn, xã Linh Hải	UBND huyện Gio Linh	Gi Linh			25m	14-15	2006/QĐ-UBND ngày 30/10/2013	5.660	3.030		1.500	+ Phần NS tỉnh đối ứng NSTW (NQ39)+NS huyện
-	Xây dựng Block vỉa hè, rãnh thoát nước đường Trần Phú và đường Trần Hưng Đạo, thị trấn Hồ Xá, huyện Vĩnh Linh	UBND huyện Vĩnh Linh	Vĩnh Linh			2.754m	14 -16	2000/QĐ-UBND ngày 29/10/2013	17.800	12.000		2.000	+ NS huyện đối ứng 4 tỷ đồng để đảm bảo khối công mới theo quy định tại CT 1792/CT-TTg
7	Vấn hóa thể thao, Thống tin truyền thông Dự án chuyển tiếp								2.148	2.000	30	3.600	
-	Hỗ trợ xây dựng thiết chế văn hóa làng xã theo Nghị quyết 04 và Nghị quyết 05 của HĐND tỉnh cho các huyện, thành phố, thị xã	UBND các huyện, thành phố, thị xã	Toàn tỉnh		554							2.600	Hỗ trợ xây dựng NTM. Chi tiêu như biểu số 3
-	Dự án Một công một												
-	Nhà văn hóa Triệu Đô, huyện Triệu Phong	UBND huyện Triệu Phong	Triệu Đô		554			326/QĐ-UBND 26/3/2013 của UBND huyện Triệu Phong	2.148	2.000	30	1.000	
8	Khoá học công nghệ Dự án hoàn thành trong năm 2014								16.780	16.780	500	5.000	
-	Nâng cấp, sửa chữa nhà làm việc Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng Quảng Trị	Chi cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Đông Hà					162/QĐ-SKH-CT ngày 10/8/2011	780	780		500	Khởi công và hoàn thành trong năm
-	Dự án chuyển tiếp												



109

TT	Đanh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Mã số dự án	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư		Số vốn	Kế hoạch vốn đầu tư năm 2014	Ghi chú
									Tổng số	Trong đó: NS tỉnh			
-	Trung tâm phát triển công nghệ sinh học	Sở Khoa học và Công nghệ	Đông Hà	7227812		1869m <sup>2</sup>		2116/QĐ-UBND 01/11/10	16.000	16.000	4.500		
9	Giáo dục - Đào tạo Dự án hoàn thành trước 31/12/2013	Thị ủy Quảng Trị	Quảng Trị	7321958	494	765m <sup>2</sup>	11-13	273a/QĐ-UBND 15/2/11	5.944	5.944	1.000		
-	Trường THPT Nguyễn Hữu Thiện, huyện Triệu Phong	Sở Giáo dục và Đào tạo	Triệu Phong	7285381	494	2.500 m <sup>2</sup>	12-14	2527/QĐ-UBND 23/12/2010; 362/QĐ-UBND 6/3/12	18.736	14.480	3.217		+ Vốn số kế hoạch
-	Nhà học thực hành Trường THPT Vĩnh Linh	Sở Giáo dục và Đào tạo	Vĩnh Linh	7386514	494	2.190	13-15	1914/QĐ-UBND 07/10/10	13.729	13.729	2.000		+ Vốn số kế hoạch
-	Trường mầm non thôn Húc Nghi, xã Húc Nghi thuộc DA Di dân khẩn cấp ra khỏi vùng lũ ởng, là quet xã Húc Nghi và các xã lân cận huyện Đakrông	UBND huyện Đakrông	Đakrông			4 phòng học và 4 phòng ở giáo viên		1054/QĐ-UBND 14/8/2012	1.678	1.678	800		Đổ ứng theo Quyết định 60/2010/QĐ-TTg của Thủ tướng theo dự án Di dân Húc Nghi
10	Y tế - xã hội Dự án dự kiến hoàn thành 2014	Sở UB- TB&XH	Đông Hà		161		2014	Nghị quyết số 13/2010/NQ-HĐND ngày 23/7/2010 của HĐND tỉnh	19.851	17.806	4.260		Hỗ trợ TMDN đặc chuẩn, Chi tiết như biểu số 3
-	Sửa chữa cơ sở làm việc của Hội bảo trợ người khuyết tật và trẻ em mồ côi tỉnh Quảng Trị	Sở UB- TB&XH	Đông Hà					90/QĐ-SKH-TH ngày 12/6/2013	290	290	260		Khởi công và hoàn thành trong năm
-	Điện chiếu sáng nghĩa trang liệt sỹ huyện Hướng Hóa, thị trấn Khe Sanh	UBND huyện Hướng Hóa	Hướng Hóa			1520 m	13-15	2049/QĐ-UBND ngày 30/11/2012	5.177	4.000	1.000		+ NS huyện Hướng Hóa
-	Dự án khởi công mới Hỗ trợ giảm nghèo bền vững đối với các xã, thôn, bản, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Quảng Trị có tỷ lệ hộ nghèo tương đối cao theo Nghị quyết 06/2012/NQ-HĐND								8.516	8.516	2.000		+ Vốn chương trình 133
+	Đường vào khu sản xuất thôn Mờ đến thôn Hoàng xã Hướng Linh	UBND huyện Hướng Hóa	Hướng Hóa				14-15	3681/QĐ-UBND 30/10/2013	4.016	4.016	700		+ Vốn chương trình 135
+	Đường giao thông nội thôn Bãi Hả, xã Vĩnh Hà	UBND huyện Vĩnh Linh	Vĩnh Linh				14-15	3557/QĐ-UBND 21/10/2013	2.000	2.000	700		+ Vốn chương trình 135
+	Bê tông hóa đường giao thông nông thôn khe Mè, xã Linh Thượng	UBND huyện Gio Linh	Gio Linh			1200m	14-15	4185/QĐ-UBND 13/9/2013	2.500	2.500	600		+ NS huyện đối ứng 869 triệu đồng để đảm bảo khối công việc theo quy định tại CT 1792/CT-TTg
-	Nhà khách đón tiếp, phục vụ nhân viên liệt sỹ, đồng đội đi tìm hài cốt liệt sỹ, tham lại chiến trường	UBND huyện Hướng Hóa	Hướng Hóa			724m <sup>2</sup>	14-16	2018/QĐ-UBND 30/10/2013	5.869	5.000	1.000		
11	Quản lý nhà nước Dự án hoàn thành trước 31/12/2013								164.789	139.657	103.997		
-	Trụ sở làm việc xã Triệu Thượng huyện Triệu Phong	UBND huyện Triệu Phong	Triệu Phong					908/QĐ-UBND ngày 18/5/2011; 2555/QĐ-UBND ngày 18/12/2012	6.511	1.400	5.053		



TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Mã số dự án	Mã ngành kinh tế (toàn, khoán)	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư		Đã bố trí đến hết năm 2013	Kế hoạch vốn đầu tư năm 2014	Ghi chú
									Tổng số	TMDT Trong đó: NS tỉnh			
	Dự án dự kiến hoàn thành 2014												
	Cải tạo, nâng cấp Kho lưu trữ + Gara xe/Sở Tư pháp	Sở Tư pháp	Đông Hà		161	71m <sup>2</sup>	2014	46/QĐ-SKH-TH ngày 05/4/2013	515	515	400		Khởi công và hoàn thành trong năm
	Sửa chữa nhà lưu trữ hồ sơ, tài liệu của ngành Tài nguyên và Môi trường	Sở TN-MT	Đông Hà		161		2014	92/QĐ-SKH-TH, 27/6/2012; 167/QĐ-SKH-TH ngày 29/09/10;	1.225	1.225	1.100		Khởi công và hoàn thành trong năm
	Trụ sở Sở Nội vụ	Sở Nội vụ	Đông Hà	7105505	161	2.993 m <sup>2</sup>	11-13	2088/QĐ-UBND 13/10/09	26.819	26.819	4.000		+ Nguồn SDD Hoàn thành
	Trụ sở làm việc UBND và UBND huyện Gio Linh	UBND huyện Gio Linh	Gio Linh	7193608	161	2.964 m <sup>2</sup>	11-13	1841/QĐ-UBND 29/09/10; 1493/QĐ-UBND ngày 23/8/2013	32.360	24.151	5.000		Hoàn thành
	Trụ sở UBND tỉnh	TT phát triển quy hoạch tỉnh	Đông Hà	7173855	161	6.313 m <sup>2</sup>	10-14	408/QĐ-UBND ngày 12/8/2013	67.534	67.534	3.000		+ Nguồn SDD Hoàn thành
	Trụ sở Liên đoàn Lao động tỉnh	Liên đoàn Lao động tỉnh	Đông Hà		161	1435 m <sup>2</sup>	12-13	646/QĐ-TLĐ 14/5/2012	3.000	3.000	6.000		- Năm 2013 NS tỉnh đã bố trí 1 tỷ đồng trong số 3 tỷ - Tổng LB là 5 tỷ
	Dự án chuyển tiếp												
	Nâng cấp, mở rộng nhà làm việc Ủy ban MTTQ Việt Nam thị xã Quảng Trị	UBMTTQ VN TX,QT	TX,QT			608 m <sup>2</sup>	13-14	2060/QĐ-UBND	5.000	5.000	1.770		
	Dự án khởi công mới 2014												
	Sửa chữa, chống thấm và sơn tường Chu cực văn thư lưu trữ tỉnh Quảng Trị	Sở Nội vụ	Đông Hà			970m <sup>2</sup>	14-15	2020/QĐ-UBND 31/10/2013	2.013	2.013	15		
	Trụ sở làm việc UBMTTQ Việt Nam và các đoàn thể huyện Triệu Phong	UBND huyện Triệu Phong	Triệu Phong			3.000m <sup>2</sup>	14-16	1988/QĐ-UBND 29/10/2013	9.720	5.000	1.000		+ NS huyện đối ứng 2,4 tỷ đồng để đảm bảo khởi công mới theo quy định tại CT 1792/CT-TTg
	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở làm việc trên cơ quan BQLDA ĐT&XD, Trung tâm phát triển cụm Công nghiệp làng nghề và Trung tâm phát triển quê đất huyện Triệu Phong	UBND huyện Triệu Phong	Triệu Phong			532,49m <sup>2</sup>	14-16	2004/QĐ-UBND 30/10/2013	5.092	3.000	1.000		+ Phần NS tỉnh đối ứng NSTW +NS huyện để đảm bảo khởi công mới theo quy định tại CT 1792/CT-TTg
12	An ninh quốc phòng												
	Dự án dự kiến hoàn thành 2014												
	Doanh trại Ban chỉ huy quân sự huyện Gio Linh	Bộ CHQS tỉnh	Gio Linh	220090044	468	15.312 m <sup>2</sup>	12-14	376/QĐ-UBND 10/3/2011; 262/QĐ-UBND 16/2/2011	14.649	7.324	1.000		
	Công trình CH5-01	Bộ CHQS tỉnh	Gio Linh		Mặt	Mặt	08-12	1765/QĐ-UBND 17/9/2008	25.182	25.182	22.892		Hoàn thành

108

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Mã số dự án	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Diện tích kế hoạch	Thời gian KC-HT	Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư		Đã bỏ lãi đến hết năm 2013	Kế hoạch vốn đầu tư năm 2014	Chú thích
									Tổng số	TMĐT			
									Trong đó: NS				
									thời				
-	Đoàn trại Ban CHQS thành phố Đông Hà, Bộ CHQS tỉnh Quảng Trị	Bộ CHQS tỉnh	Đông Hà			638m <sup>2</sup>	13-14	458/QĐ-BTL ngày 08/4/2013 của BTL QK4	11.608	1.000		1.000	NS tính lãi nợ + vốn QP/TK và vốn của đơn vị tự khai thác
13	Hỗ trợ các cơ quan Đảng								26.915	24.530	6.030	5.000	
-	Dự án dự kiến hoàn thành 2014												
-	Mở công khuôn viên và đầu tư một số hạng mục thuộc công trình Trụ sở Tỉnh ủy Quảng Trị (giai đoạn 2)	VP Tỉnh ủy	Đông Hà	3775220	163	1200m <sup>2</sup>	13-14	1808/QĐ-UBND ngày 04/10/2012	14.900	14.900	6.030	3.000	+ Nguồn SDD
-	Dự án khởi công mới												
-	Nâng cấp, phát triển hệ thống công nghệ thông tin trong các cơ quan Đảng tỉnh Quảng Trị, giai đoạn 2013-2015	Văn phòng Tỉnh ủy	Đông Hà					1107/QĐ/TU ngày 29/10/2013 của Tỉnh ủy Q. Tr	5.557	4.462		500	+ Vốn sự nghiệp kinh tế có tính chất XD/CB và Bộ tài vốn theo tiến độ của đề án
-	Mở rộng nhà làm việc và lưu trữ 03 tầng, Huyện ủy Vĩnh Linh	Huyện ủy Vĩnh Linh	Vĩnh Linh		161	872m <sup>2</sup>	14-16	1887/QĐ-UBND 18/10/2013	6.458	5.168		1.500	+ NS huyện đối ứng 800 triệu đồng để đảm bảo khối công việc theo quy định tại CT 1792/CT-TTg
B	NGUỒN THU SỬ DỤNG ĐẤT								2.009.110	1.506.067	802.648	90.700	
1	Chỉ phí đo đạc, vẽ bản đồ địa chính											9.000	
2	Nguồn thu từ giao đất cho các doanh nghiệp trong Khu Kinh tế, Khu công nghiệp								111.477	66.619	87.136	7.812	
-	Dự án hoàn thành trước 31/12/2013												
-	Tuyến đường RD 07	BQL Khu kinh tế	Gio Linh	7294454	163	1.960m	11-13	668/QĐ-UBND 14/07/2011; 1304/QĐ-UBND 23/7/2013	35.317	35.317	30.035	912	Trả nợ KLHT
-	Hệ thống thoát nước đường K2 thuộc Khu công nghiệp Nam Đông Hà	BQL Khu kinh tế	Đông Hà	7005345	163	408m	11-13	1952/QĐ-UBND 24/9/2009	9.610	9.010	6.619	500	Trả nợ KLHT
-	Dự án hoàn thành năm 2014												
-	Cải tạo Trung tâm thương mại Lao Bảo	UBND huyện Hướng Hóa	Hướng Hoá				12-14	396/QĐ-UBND ngày 19/3/2013	13.340	13.340	12.497	400	Trả nợ KLHT
-	Tuyến ống cấp nước RD-07 (Đoạn mở từ tuyến cấp nước đường Trưng Trắc đến nhà máy sản xuất, chế biến bột cá của Công ty TNHH MTV Hoàng Đức, Vũng), tại KCN Quán Ngang	BQL Khu kinh tế	Đông Hà				13-14	121/QĐ-SKH-CT ngày 18/7/2013	968	968		500	
-	Dự án chuyển nhượng												
-	Khu tái định cư cho đồng bào dân tộc di dời thực hiện dự án CSHT cụm cửa khẩu mở rộng,	UBND huyện Hướng Hóa	Hướng Hoá	7272513	163	70 bộ	11-13	1551/QĐ-UBND 3/8/2011	49.842	4.984	37.985	4.500	GPMB
-	Dự án khởi công mới												
-	Công vào KCN Nam Đông Hà	BQL Khu kinh tế	Đông Hà					2003/QĐ-UBND 30/10/2013	3.000	3.000		1.000	
3	Thu tại Thành phố Đông Hà								1.897.633	1.439.448	715.512	73.888	
3.1	Bộ tài cho các công trình dự Trưng Trắc và phát triển quỹ đất tỉnh làm chủ đầu tư để đầu tư phát triển nguồn quỹ đất								638.995	459.549	177.747	40.000	
-	Dự án hoàn thành trước 31/12/2013												
-	Hoàn thiện khu đô thị Nam Đông Hà GD II	Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh	Đ. Hà			609m	11-13	962/QĐ-UBND 18/5/2011	12.760	12.760	9.800	750	
-	Xây dựng CSHT Khu đô thị phía Nam đường 9D, thành phố Đông Hà	Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh	Đ. Hà			15,97ha	08-11	1504/QĐ-UBND ngày 24/8/2012	49.674	49.674	44.523	1.500	

TT	Đánh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Mã số dự án	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư		Đã bỏ tư đến hết năm 2013	Kế hoạch vốn đầu tư năm 2014	Ghi chú
									Tổng số	TMBT			
				Trong đó: NS tỉnh									
-	Xây dựng HTKT Khu tái định cư cho các bộ dân bị di dời khi XD các công trình trên địa bàn thành phố Đông Hà	Trung tâm PTQĐ tỉnh	Đông Hà	7910668	167	10,12 ha	08-11	1913/QĐ-UBND ngày 09/10/08	31.101	31.101	28.677	250	
-	Dự án chuyển tiếp	Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh	Đ. Hà	7394015	161	78 ha	13-14	314/QĐ-SKH-TH ngày 29/10/2012	2.000	2.000	1.410	500	
-	Cải tạo trụ sở trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh	Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh	Đ. Hà	7263704	167	11 km	12-15	1609/QĐ-UBND ngày 05/8/11	334.014	334.014	52.298	31.500	Trong đó hoàn trả 521 triệu đồng vốn vay tín dụng ưu đãi theo NQ02
-	Khu đô thị Nam Đông Hà giai đoạn 3	Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh	Đ. Hà	7227075	163	1200m2	13-14	1808/QĐ-UBND, ngày 04/10/2012	209.446	14.900	6.030	3.000	+ Nguồn NSTT
-	Đường vành đai cầu bê, cầu nạn phía Tây TP. Đông Hà (giai đoạn 1)	VP Tỉnh ủy	Đ. Hà	3775220	161	2.993 m2	11-13	2080/QĐ-UBND ngày 13/10/09	309.821	260.175	180.009	33.888	
3.2	Bộ trí chợ, các công trình khác của tỉnh	Sở Nội vụ	Đông Hà	7105505	161	3497m	2.012	1341/QĐ-UBND ngày 25/10/2011	6.931	6.931	5.400	1.000	Trả nợ KLHT
-	Hệ thống điện chiếu sáng đường quốc lộ 9 (Đoạn QL9A đến đường Nguyễn Du)	VP UBND tỉnh	Đ. Hà, TP			100m	10-13	731/QĐ-UBND ngày 24/4/2008	45.530	19.915	35.615	2.500	
-	Cầu Vĩnh Phước	VP Tỉnh ủy	Đ. Hà, TP			1200m2	13-14	1808/QĐ-UBND, ngày 04/10/2012	14.900	14.900	6.030	3.000	+ Nguồn NSTT
-	Mở rộng khuôn viên và đầu tư một số hạng mục thuộc công trình Trụ sở Tỉnh ủy Quảng Trị (giai đoạn 2)	Sở Nội vụ	Đông Hà	7105505	161	2.993 m2	11-13	1841/QĐ-UBND ngày 29/09/10; 1493/QĐ-UBND ngày 23/8/2013	26.819	26.819	16.910	3.388	+ Nguồn NSTT
-	Trụ sở Số Núi vu	TT phát triển quỹ đất tỉnh	Đông Hà	7173855	161	6.313 m2	10-14	408/QĐ-UBND ngày 15/03/10; 220/La/QĐ-UBND ngày 26/10/11	67.534	67.534	55.384	9.000	+ Nguồn NSTT
-	Trụ sở HDND tỉnh	VP UBND tỉnh	Đông Hà	7326646	161	707 m2	12-14	1221/QĐ-UBND ngày 12/7/2012	10.661	10.661	6.740	3.500	
-	Trụ sở tiếp công dân tỉnh Quảng Trị	VP UBND tỉnh	Đông Hà										
-	Dự án chuyển tiếp	Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh	Đ. Hà	7368611	163	300m	12-14	1755/QĐ-UBND ngày 27/9/12	16.207	16.207	3.868	1.500	
-	Mở rộng kho dài tuyến đường Nam cầu Vĩnh Phước	UBND thành phố Đông Hà	Đ. Hà	7321057	164	8,95 ha	12-14	919/QĐ-UBND ngày 28/3/2012	18.782	7.000	8.782	1.000	
-	Nghĩa trang nhân dân thành phố Đông Hà	Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh	Đ. Hà	7020731	161	2000 chỗ	10-14	1749/QĐ-UBND ngày 31/8/09	78.208	78.208	41.280	4.000	
-	Nhà thi đấu Đa Năng	UBND TP Đông Hà	Đ. Hà			2.651m	14-15	1987/QĐ-UBND ngày 29/10/2013	9.420	7.000	2.000	2.000	+ NS thành phố đổi ứng 1,2 tỷ đồng để đảm bảo làm công mới theo quy định tại CT 1792/CT-TTg
-	Dự án khởi công mới												
-	Hệ thống điện chiếu sáng đường Lê Duẩn TP Đông Hà (đoạn từ cầu Đông Hà đến đường Lý Thường Kiệt)												



*Handwritten signature or mark.*

TT	Danh mục dự án	Chức danh tư	Địa điểm XD	Mã số dự án	Mã ngành kinh tế (loại, không)	Mạng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư		Đã bỏ trí đến hết năm 2013	Kế hoạch vốn đầu tư năm 2014	Ghi chú
									Tổng số	Trong đó: NS tỉnh			
-	Hệ thống điện chiếu sáng đường Lý Thường Kiệt và đường Nguyễn Du (Đoạn QL.1A đến đường Trần Bình Trọng)	UBND TP Đông Hà	Đ. Hà			3.649m	14-15	1342/QĐ-UBND 23/10/2011	8.538	1.000		2.000	+ NS thành phố đối ứng 1 tỷ đồng để đảm bảo khối công một theo quy định tại CT 1792/CT-TTg
-	Đường nối từ đường Hàm Nghi qua Trường tiểu học Hàm Nghi đến đường Lý Thường Kiệt, TP Đông Hà (giai đoạn 2)	UBND TP Đông Hà	Đ. Hà			323m	14-15	2002/QĐ-UBND 30/10/2013	6.291	4.000		1.000	+ NS thành phố đối ứng 1,2 tỷ đồng để đảm bảo khối công một theo quy định tại CT 1792/CT-TTg
<b>C</b>	<b>NGUỒN SỐ SỔ KIẾN THIẾT</b>												
<b>I</b>	<b>Giáo dục - Đào tạo</b>												
<b>I.1</b>	<b>Huyện Hướng Hóa</b>												
-	Trường Tiểu học Tinh Liên	UBND h. Hướng Hóa	Tân Liên				14-15	3674/QĐ-UBND 30/10/2013	3.451	2.000		1.000	+ NS huyện
-	Trường THCS Hướng Phóng	UBND h. Hướng Hóa	Hướng Phóng	7360466			12-13	1927/QĐ-UBND 16/7/12	4.755	4.755		500	Trả nợ khối lượng HT
<b>I.2</b>	<b>Huyện Đakrông</b>												
-	Trường Mẫu giáo A Ngo (Thôn La Lay)	UBND h. Đakrông		7.411.128		103 m2	2013	1258/QĐ-UBND 25/6/13	839	839		400	Hoàn thành
-	Trường Mầm non Đa Nang (Thôn Đa Bàn)	UBND h. Đakrông		7.408.234		203 m2	2013	1178/QĐ-UBND 14/6/13	1.633	1.633		980	Hoàn thành
-	Trường Mẫu giáo A Vao (Thôn Tân Đa I)	UBND h. Đakrông		7.411.103		65 m2	2013	1324/QĐ-UBND huyện 8/7/13	531	531		120	Hoàn thành
<b>I.3</b>	<b>Huyện Cam Lộ</b>												
-	Nhà đa chức năng Trường THCS Trần Hưng Đạo	UBND h. Cam Lộ	TT Cam Lộ				11-13	2169/QĐ-UBND 25/10/11	4.730	4.000		200	
-	Trường Mầm non Máng Non, xã Cam Thành	UBND h. Cam Lộ	Cam Thành			8 phòng	12-14	2129/QĐ-UBND 26/11/11	4.752	4.000		2.295	Vấn bản 3383/BGDĐT-CSVC 04/6/2012
-	Trường THCS Chế Lan Viên	UBND h. Cam Lộ	Cam An					2724/QĐ-UBND 31/10/12	2.343	2.000		600	Hoàn thành
-	Trường MN Hòa Phước, Cam Lộ	UBND h. Cam Lộ	Cam Thuận			4 phòng	13-14	2181/QĐ-UBND 30/10/12	4.987	4.987		500	
<b>I.4</b>	<b>Huyện Hải Lăng</b>												
-	Trường THCS Hải Ba	Phòng Giáo dục-Đào tạo Hải Lăng	Hải Ba			6 phòng học	11-12	2033/QĐ-UBND 30/9/11	4.749	3.400		500	Trả nợ khối lượng HT
-	Trường THCS Hải Trường	UBND h. Hải Lăng	Hải Trường			6 phòng học	2011	2135/QĐ-UBND 26/8/11	3.198	3.198		352	nt
-	Trường Mầm non Hải Khê	UBND h. Hải Lăng	Hải Khê			682m2	2012-2014	1638/QĐ-UBND ngày 13/9/12	3.678	3.678		500	nt
-	Trường Tiểu học Hải An	Phòng Giáo dục-Đào tạo Hải Lăng	Hải An			8 phòng học	14-16	1789/QĐ-UBND 2/10/12	4.274	4.000		500	nt
-	Trường Mầm non Hải Lâm	Phòng Giáo dục-Đào tạo Hải Lăng	Hải An			8 phòng học	14-16	1789/QĐ-UBND 2/10/12	1.998	1.998		48	Trả nợ QT
<b>I.5</b>	<b>Huyện Triệu Phong</b>												
-	Trường THCS Triệu Đông	UBND h. Triệu Phong	Triệu Đông				11-13	923/QĐ-UBND 26/6/11	10.837	6.579		2.000	Trả nợ khối lượng HT
-	Trường THCS Triệu Phước	UBND h. Triệu Phong	Triệu Phước				11-13	909/QĐ-UBND 14/8/11	2.732	1.832		500	
-	Trường THCS Triệu Thuận	UBND h. Triệu Phong	Triệu Thuận				12-13	1442/QĐ-UBND 22/10/12	3.115	2.247		500	nt
<b>I.6</b>	<b>Huyện Gio Linh</b>												
-									4.990	2.500		1.000	nt
									11.659	11.659		1.800	

11/8

TT	Danh mục dự án	Chất đầu tư	Địa điểm XD	Mã số dự án	Mã ngành kinh tế (0001, khoản)	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư		Đã bỏ trí đến hết năm 2013	Kế hoạch vốn đầu tư năm 2014	Ghi chú
									Tổng số	Trong đó: NS tỉnh			
-	Trường Mầm non Gio Mỹ	UBND h. Gio Linh	Gio Mỹ			4 phòng học	11-13	209/QĐ-UBND 25/01/11	1.649	1.649	920	710	Trên cơ sở không HT
-	Trường THCS Gio Mỹ	UBND h. Gio Linh	Gio Mỹ			8 phòng học	11-13	208/QĐ-UBND 25/01/11	2.482	2.482	2.200	280	nt
-	Trường THCS Gio Thành	UBND h. Gio Linh	Gio Thành			8 phòng học	11-13	210/QĐ-UBND 25/01/11	2.289	2.289	1.819	470	nt
-	Trường Tiểu học Gio Quang	UBND h. Gio Linh	Gio Quang			2 phòng học	11-13	207/QĐ-UBND 25/01/11	480	480	360	120	nt
-	Trường THCS Trung Hải	UBND h. Gio Linh	Trung Hải			12 phòng học	11-13	214/QĐ-UBND 25/01/11	4.759	4.759	4.535	220	nt
1.7	<b>Huyện Vĩnh Linh</b>								15.142	7.569	3.235	2.000	
-	Trường Mầm non Kim Đồng	UBND h. Vĩnh Linh	Hố xã			4 phòng học	13-15	1783/QĐ-UBND ngày 21/5/13	2.500	2.500	850	600	
-	Trường Mầm non Vĩnh Thành	UBND h. Vĩnh Linh				4 phòng học	13-15	2419/QĐ-UBND 15/07/13	2.500	2.500	885	600	
-	Trường Tiểu học Vĩnh Giang	UBND h. Vĩnh Linh				4 phòng học	13-15	2140/QĐ-UBND 18/6/13	2.500	2.500	1.500	300	Trên cơ sở không lương HT
1.8	<b>Thành phố Đông Hà</b>								7.642			500	
-	Trường Mầm non phường 2	UBND TP Đông Hà					13-15	1396/QĐ-UBND 26/10/12	7.065	7.862	800	2.000	
-	Nhà học Trường Tiểu học Hoàng Hoa Thám	UBND TP Đông Hà				349 m2		782/QĐ-UBND 27/7/11	4.320	3.000	800	600	+NS thành phố
-	Nhà học Trường Tiểu học Đông Lễ	UBND TP Đông Hà				630 m2		933/QĐ-UBND 16/8/11	2.583	3.200		600	+NS thành phố
-	Trường THCS Trần Hưng Đạo	UBND TP Đông Hà						2168/QĐ-UBND 03/12/13	500			600	+NS thành phố
1.9	<b>Thị xã Quảng Trị</b>								6.065	4.833	1.300	1.500	
-	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	UBND TX Quảng Trị					13-14	1059/QĐ-UBND ngày 28/2/12	3.232	2.000	1.300	700	
-	Trường Tiểu học Kim Đồng	UBND TX Quảng Trị					2014	752/QĐ-UBND 21/10/13	1.525	1.525		400	+ NS thị xã
-	Trường THCS Mạc Đĩnh Chi	UBND TX Quảng Trị					2014	753/QĐ-UBND 21/10/13	1.308	1.308		400	+ NS thị xã
1.10	<b>Sở Giáo dục - Đào tạo Công trình chuyển tiếp</b>								22.845	22.845	5.984	4.830	
-	Giảng đường đa năng Trường THPT Gio Linh	Sở Giáo dục và Đào tạo	Gio Linh			807m3	13-15	số 1277/QĐ-UBND 17/7/13	5.833	5.833	1.500	1.900	
-	Nhà học Trường THPT Vĩnh Linh	Sở Giáo dục và Đào tạo	Vĩnh Linh		494	2190	13-15	1276/QĐ-UBND 17/10/13	13.729	13.729	2.050	1.830	+vốn NSTT 2 tỷ
-	Mô rộng khuôn viên Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn	Sở Giáo dục và Đào tạo	Đông Hà						3.283	3.283	2.434	600	
-	Hiện thực khuôn viên Trường THPT thị xã Quảng Trị (Xây dựng công, hàng rào, sân vườn)	Trường THPT thị xã Quảng Trị	Quảng Trị									500	Vấn bản số 3803/UBND-VX ngày 8/11/13
2	<b>Y tế</b>								40.588	30.681	23.648	6.520	
a	<b>Các công trình cấp tỉnh, quốc tế</b>								31.750	25.281	20.648	4.720	
-	Cải tạo, mở rộng Phòng quản lý sức khỏe cận bộ	Phòng QLSK Cận bộ	TP Đông Hà				13-14	67/QĐ-UBND 18/01/13	4.399	4.399	1.500	2.400	
-	Bệnh viện đa khoa huyện Đakrông	UBND huyện Đakrông	Đakrông						20.584	17.257	17.848	700	
-	Điều chỉnh bổ sung hạng mục bệnh viện Cam Lộ	Bệnh viện đa khoa Cam Lộ	Cam Lộ						1.625	1.625	900	720	Hoàn thành
-	Nhà khám đa khoa Trường Trung học y tế Quảng Trị	Trường TH Y tế							5.142	2.000	400	900	Ngân sách tỉnh hỗ trợ 2 tỷ đồng

HNS

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Mã số dự án	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư		Đã bỏ trị đến hết năm 2013	Kế hoạch vốn đầu tư năm 2014	Ghi chú
									Tổng số	Trong đó: NS tỉnh			
b	Hỗ trợ ý tế xã theo Nghị quyết 26 và Chương trình xây dựng nông thôn mới	UBND huyện Cam Lộ	Cam Thanh						8.838	5.400	2.000	1.800	
-	Trạm y tế xã Cam Thanh, huyện Cam Lộ	UBND h. Gio Linh	Gio Sơn					1565/QĐ-UBND	2.999	1.800	600	600	
-	Trạm y tế xã Gio Sơn, Gio Linh	UBND h. Triệu Phong	Triệu Đông					1967/QĐ-UBND	2.639	1.800	1.400	500	
-	Trạm y tế xã Triệu Đông, Triệu Phong							1477/QĐ-UBND	3.200	1.800		700	+ NS huyện
3	Phục lợi xã hội							30/10/13	6.642	6.642		2.450	
-	Nhà Thiếu nhi Tỉnh ( Sửa chữa Bê boi, thiết bị )	Nhà Thiếu nhi tỉnh	Đông Hà						600	600		300	
-	Sửa chữa dân mui sân vận động Đông Hà và bể bơi công cộng tỉnh Quảng Trị	Trung tâm Huấn luyện và thi đấu TDTT tỉnh	Đông Hà						4.217	4.217		1.350	
-	Nâng cấp, sửa chữa Rạp chiếu phim Đông Hà	Trung tâm Phát hành phim và chiếu bóng Quảng Trị	Đông Hà					2155/QĐ-UBND	1.825	1.825		800	

MS

## KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THUỘC NSNN NĂM 2014

Nguồn vốn phân cấp đầu tư trong cân đối và hỗ trợ các huyện, thành phố, thị xã quản lý  
 (Kèm theo Nghị quyết số 22/2013/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2013 của HĐND tỉnh Quảng Trị)

TT	Huyện, thành phố, thị xã	Tổng số	Trong đó							
			Vốn sử dụng đất (6)	Vốn từ thu tiền sử dụng đất	Trong đó		Vốn ngân sách tính cân đối và hỗ trợ (1)	Vốn phân bổ theo tiêu chí (2)	Trong đó	
					Vốn từ thu tiền sử dụng đất	Trả nợ (7)			Thu hồi vốn vay kiến có hóa KM và GTNT (3)	Xây dựng thiết chế văn hóa làng xã (4)
1	2	3=4+7	4=5+6	5	6	7=8-9+10+11	8	9	10	
	<b>Tổng số</b>	<b>119.584</b>	<b>63.300</b>	<b>45.479</b>	<b>17.821</b>	<b>56.284</b>	<b>57.985</b>	<b>6.000</b>	<b>1.700</b>	
1	Thành phố Đông Hà	28.206	18.083	18.083		10.123	9.624		200	
2	Thị xã Quảng Trị	11.879	8.129	1.808	6.321	3.750	4.050	600	100	
3	Huyện Hải Lăng	10.676	5.562	4.521	1.041	5.114	6.114	1.500	200	
4	Huyện Triệu Phong	17.197	11.702	9.946	1.756	5.495	6.195	1.200	200	
5	Huyện Gio Linh	8.892	2.658	1.808	850	6.234	6.334	600	200	
6	Huyện Vĩnh Linh	14.546	8.504	4.521	3.983	6.042	7.042	1.500	200	
7	Huyện Cam Lộ	9.835	5.678	1.808	3.870	4.157	3.657		200	
8	Huyện Đakrông	7.290	452	452		6.838	6.338		200	
9	Huyện Hướng Hóa	11.063	2.532	2.532		8.531	8.631	600	200	
10	Huyện đảo Cồn Cỏ									

Ghi chú:  
 Bổ trợ từ nguồn vốn Trung ương hỗ trợ có mục tiêu hạ tầng đơn vị hành chính mới chia tách và Biên Đông - Hải đảo

Các huyện, thành phố, thị xã bổ trợ tối thiểu 20% vốn Ngân sách tính cân đối phân cấp để đầu tư cho lĩnh vực giáo dục - đào tạo theo Nghị quyết của Quốc hội; lồng ghép các nguồn vốn trợ xây dựng hoàn thiện tiêu chí nông thôn mới 30%; Tập trung bổ trợ xử lý nợ đọng XDCB trước ngày 31/12/2012 và trả nợ khối lượng các công trình đã hoàn thành trước 31/12/2011; nâng hoàn thành trong năm 2014; các dự án chuyển tiếp khác để hoàn thành đảm bảo thời gian quy định; số vốn còn lại (nếu có) mới bổ trợ khởi công mới các công trình nhưng phải có dự án trước ngày 31/10/2013; Chỉ đồng cân đối bổ trợ đối ứng các dự án ODA do địa phương làm chủ đầu tư được quy định tại Khoản 4.2, Mục 4, Phần I Nghị quyết số 19/2010/NQ-CP

(2) Vốn phân bổ theo tiêu chí thực hiện theo Nghị quyết số 19/2010/NQ-HĐND ngày 10/12/2010 của HĐND tỉnh về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển b sách Nhà nước tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2011-2015.

(3) Thu hồi vốn vay kiến cơ hóa kênh mương và giao thông nông thôn

(4) Ngân sách của tỉnh hỗ trợ các huyện, thành phố, thị xã xây dựng thiết chế văn hóa làng xã theo Nghị quyết 04 và Nghị quyết 05 của HĐND tỉnh (ngoài nguồn phân cấp)

(5) Ngân sách của tỉnh hỗ trợ các huyện, thành phố, thị xã xây dựng trường mầm non đạt chuẩn theo Nghị quyết 13 của HĐND tỉnh (ngoài nguồn phân cấp)

(6) Bao gồm 10% chi phí đo, vẽ bản đồ địa chính...

(7) Trả nợ các công trình, dự án bị TW thu hồi vốn theo Nghị quyết 11/2011/NQ-CP và vốn vay theo Nghị quyết 02/2013/NQ-CP.